

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06** /2020/DS-ST

Ngày: 10/9/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Nghĩa
2. Ông Nguyễn Đức Bằng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 526/2 ấp G, xã GT, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Hoàng Thị O**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 231/2 ấp G, xã GT, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Hoàng Kim M**, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 231/2 ấp G, xã GT, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị H1**(tên gọi khác là **H**), sinh năm 1954; địa chỉ: số 526/2 ấp G, xã GT, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Tại phiên tòa, Anh H, bà H1 và bà O có mặt; ông M vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày:**

Bà Hoàng Thị O và gia đình anh H có mối quan hệ quen biết, là bạn làm ăn lâu năm. Bà O thường thu mua nông sản, xay sát cám bắp để bán lấy lời, gia đình anh là hộ chăn nuôi heo nên thường xuyên liên hệ mua bắp, cám nhà bà O, mua lúa gửi bà O khi nào lên giá thì bán. Anh H là người kinh doanh, chưa có gia đình riêng nên thu nhập cá nhân anh đều giao cho mẹ là bà H1 (tức H) cất giữ. Năm 2017, bà O cần vốn làm ăn có hỏi bà H1 để vay tiền, vàng bà H1 nói lại với anh H và được anh đồng ý nên bà H1 đã lấy tiền của anh gửi bà để cho bà O vay nên mỗi lần bà O vay tiền là do mẹ anh (bà H1) đưa tiền, hai bên có ghi sổ theo dõi. Cụ thể các lần bà O vay tiền và vàng như sau:

Ngày 05/01/2017 bà O vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); ngày 07/02/2017 vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 20/02/2017 vay 80.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), 02 cây 04 chỉ vàng 24k (loại vàng 9 tuổi 6 và 9 tuổi 9) quy ra tiền tại thời điểm anh khởi kiện là 86.400.000đ (Tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);

Ngày 11/5/2017 bà O vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 29/5/2017 vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); ngày 01/01/2018 vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 01/8/2017 vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và

Trên cơ sở hai bên thống nhất số nợ nên ngày 03/4/2018 bà O đã viết giấy xác nhận mượn nợ của anh H đối với số nợ trên: Tổng số tiền bà O vay của anh H là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và 24 chỉ vàng (24 kr, loại 9 tuổi 6 và 9 tuổi 9), không tính lãi suất, hạn thời hạn thanh toán các khoản vay trong vòng 12 tháng (BL 28). Hết thời hạn thanh toán theo giấy hẹn, anh H nhiều lần yêu cầu bà O trả số tiền đã vay nhưng bà O cứ khất mà không thanh toán nợ nên buộc anh H phải yêu cầu Tòa án giải quyết. Tổng số nợ tại thời điểm anh H yêu cầu là 486.400.000 đ (gồm 400.000.000 đ và 86.400.000 đ (trị giá 24 chỉ vàng loại 24k).

Bà O vay tiền của anh H là để kinh doanh buôn bán cám, bắp phục vụ cho kinh tế của gia đình trong nhiều năm, các lần bà O vay tiền thì ông Hoàng Kim M chồng bà O đều biết do vợ chồng kinh doanh. Do vậy, anh H yêu cầu Tòa án buộc bà O và ông M có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay cho anh. Do bà O và ông M hiện có hoàn cảnh khó khăn nên anh H đồng ý bớt cho bà O, ông M 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng), yêu cầu bà O và ông M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh số tiền nợ là 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra, anh H không còn yêu cầu gì khác

**** Theo bản tự khai, lời khai trong các biên bản làm việc tại tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị O trình bày:***

Bà Hoàng Thị O và bà Nguyễn Thị H1 (thường gọi là bà H) là bạn làm ăn lâu năm. Gia đình bà trước đây có cơ sở chà bắp, lúa nên có thu mua nông sản. Gia đình bà H1 là hộ chăn nuôi heo nên thường liên hệ mua bắp cám nhà bà O, mua lúa gửi

bà O khi nào lên giá để bán kiếm lời. Giữa hai bên đã nhiều lần vay mượn tiền, tài sản nhưng sau đó bà O đều thanh toán đầy đủ. Khoảng năm 2017 do cần vốn làm ăn phục vụ kinh tế gia đình nên bà O có hỏi vay tiền bà H1 số tiền là 386.400.000đ (ba trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) cụ thể như sau:

Ngày 05/01/2017 bà O vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Ngày 07/02/2017 vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Ngày 20/02/2017 vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và 24 chỉ vàng 9,9t và 9,6t tương đương với số tiền 86.400.000đ. (Việc vay mượn tiền này thể hiện tại trang thứ 3 của sổ vay tiền mà bà H cung cấp cho Tòa án).

Ngày 11/5/2017 bà O vay tiếp của bà H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 29/6/2017 vay thêm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) (Thể hiện tại trang thứ 2 sổ vay tiền mà bà H cung cấp cho Tòa án). Tổng số tiền và vàng quy ra tiền bà O thừa nhận vay của bà H1 là 386.400.000đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về các lần vay tiền theo sổ ghi nợ của bà H1 cung cấp tại Tòa án thì bà O không thừa nhận số tiền nợ tại trang thứ 1 và trang thứ 4 của sổ ghi nợ, tương ứng với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn các khoản khác là đúng như bà đã trình bày trên.

Việc vay tiền hai bên thỏa thuận miệng lãi suất hàng tháng bà O đưa cho bà H1 nhưng không nhớ được đã đưa bao nhiêu tiền lãi, thời hạn thanh toán các khoản tiền trên là 12 tháng. Nguồn gốc số tiền bà H1 cho bà vay là của anh Nguyễn Quốc H (con ruột bà H1) hay của bà H1 thì bà O không biết vì bà nhận tiền vay trực tiếp từ bà H1.

Bà O thừa nhận do làm ăn thua lỗ nên anh H, bà H1 đã nhiều lần yêu cầu bà thanh toán khoản nợ trên thì bà đã khất lại nhiều lần. Ngày 03/4/2018 anh H có đến nhà bà O, đe dọa xâm phạm tính mạng nên bà O đã viết cho anh H 01 tờ giấy mượn tiền với nội dung bà O nợ anh H tổng số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và 24 chỉ vàng 24k (loại 9 tuổi 9, và 9 tuổi 6. Bà O cam kết trong vòng 12 tháng tức từ ngày 03/4/2018 đến ngày 03/4/2019 sẽ thanh toán cho anh H nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ nào. Việc anh H đe dọa bà viết giấy nhận nợ ngày 03/4/2018 thì bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh để cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà O có thay đổi lời khai, bà thống nhất xác định số tiền còn nợ của bà Nguyễn Thị H1 (bà O thường gọi là bà H) là 486.400.000đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này bà O sử dụng vào làm vốn kinh doanh tại cơ sở chà lúa, bắp của gia đình. Toàn bộ nguồn vốn để kinh doanh của gia đình do một mình bà xoay sở, ông M chỉ là người phụ giúp bà các công việc tại cơ sở xay xát chứ không biết việc vay mượn tiền để kinh doanh của bà. Do làm ăn thất bại dẫn đến phát sinh một số khoản nợ, nên khoảng gần 2 năm nay ông M đi làm ở Biên Hòa, hàng tháng đem tiền về phụ bà trả nợ, ông M ở địa chỉ cụ thể nào thì bà không biết.

Việc anh H khởi kiện, Bà O có nhận thông báo và giấy triệu tập để giao cho ông M nhưng ông M nói ông không nợ tiền gì của anh H nên không nhận giấy báo và không đến Tòa án làm việc.

Bà O đồng ý thanh toán số tiền trên cho anh H nhưng xác định chỉ một mình bà chịu trách nhiệm trả nợ. Ông Hoàng Kim M chồng bà Hoàng Thị O không biết được việc vay mượn tiền giữa bà và bà H1. Bà đề nghị Tòa án không đưa ông M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, bà O xin trả nợ dần mỗi tháng khoảng 03 triệu đồng vì hiện nay kinh tế gia đình bà gặp khó khăn, bản thân bà bị bệnh nên không có điều kiện trả nợ.

**** Theo bản tự khai đề ngày 04/10/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:***

Bà H1 có tên thường gọi là H (gọi theo tên chồng), bà là mẹ của anh Nguyễn Quốc H. Do quen biết và tin tưởng nên khi bà Hoàng Thị O cần vốn để kinh doanh phục vụ kinh tế gia đình nhiều lần hỏi vay tiền thì bà có hỏi ý kiến anh Nguyễn Quốc H để cho bà O vay. Tổng số tiền bà H1 đưa cho bà O là 486.400.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Nguồn gốc số tiền trên là của anh H và mỗi lần bà O vay tiền bà H1 đều hỏi ý kiến anh H, được anh H đồng ý nên bà đã lấy số tiền anh H đưa bà giữ để đưa cho bà O. Bà O cũng biết rõ việc này nên đã viết giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ như anh H đã trình bày. Do bà O không trả nợ như đã hứa nên anh H phải khởi kiện tại tòa án. Bà Thống nhất với yêu cầu của anh H, đề nghị Tòa án xem xét buộc bà O và ông M phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh H số tiền nợ 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), ngoài ra bà H1 không có yêu cầu gì khác

**** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Kim M:***

Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Kim M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập họp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông M không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H về việc khởi kiện đòi tài sản, buộc bà Hoàng Thị O có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Không buộc ông M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh H số nợ trên. Bà O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả án phí cho anh H do yêu cầu được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông Hoàng Kim M đã được triệu tập dự phiên tòa đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Mạnh.

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án: Theo đơn nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị O và ông Hoàng Kim M có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ. Bị đơn bà Hoàng Thị O có nơi cư trú tại số 231/2 ấp G, xã GT, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên quan hệ pháp luật được xác định là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng bà Hoàng Thị O và ông Hoàng Kim M, có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên.

Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Từ năm 2017 bà O có vay tiền của bà H1 (mẹ của anh H), số tiền mẹ anh cho bà O vay là tiền của anh H, được ghi trong cuốn sổ theo dõi nợ do bà O lập (BL 30) thể hiện:

Ngày 05/01/2017 bà O vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ngày 07/02/2017 bà O vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ngày 20/02/2017 bà O vay 80.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), 02 cây 04 chỉ vàng 9 tuổi 6 và 9t9 quy ra tiền là 86.400.000đ (Tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 11/5/2017 bà O vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ngày 29/5/2017 bà O vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ngày 01/01/2018 bà O vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); ngày 01/8/2017 bà O vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ do bà O đã viết ngày 03/4/2018 có nội dung “tôi tên Hoàng Thị O...tôi mượn của anh Nguyễn Quốc H ...400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và 24 chỉ vàng, không tính lãi suất. Tôi cam đoan số tiền và vàng trên là đúng. Tôi hứa sẽ thanh toán các khoản vay trong vòng 12 tháng”... (BL 28).

Lời khai của bà O trong giai đoạn hòa giải không thống nhất với nguyên đơn về số tiền nợ và yêu cầu trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà O đã thừa nhận toàn bộ số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, xác định trách nhiệm trả nợ do một mình bà O chịu vì ông M không vay tiền, bà O đề nghị được trả dần hàng tháng 03 triệu đồng nhưng anh H không đồng ý.

Về yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bà O, ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đều thống nhất xác định, số tiền nợ gia đình bà O sử dụng làm vốn kinh doanh tại cơ sở chà bắp, lúa của gia đình. Các lần vay tiền đều do một mình bà O đi vay và viết giấy xác nhận. Bà O cũng xác định toàn bộ tiền để kinh doanh của gia đình đều do một mình bà xoay sở, ông M chỉ là người phụ giúp bà các công việc tại cơ sở kinh doanh của gia đình hoặc đi chở hàng nên không biết việc vay nợ tiền.

Cho thấy, số tiền bà O vay của gia đình anh H là để phục vụ cho mục đích kinh doanh phát triển kinh tế của gia đình nên cần buộc ông M cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với bà O căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Theo bà O xác định vay tiền của bà H1 nên bà chỉ có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Tuy nhiên, bà H1 xác định tiền đưa cho bà O vay là tiền của anh H, không phải tiền của bà. Lời khai của bà H1 phù hợp với lời khai của anh H và tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp nên ghi nhận.

Xét thấy, giao dịch dân sự vay tài sản giữa bà O với anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà O và ông M phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gồm tiền là 400.000.000 đồng và 24 chỉ vàng 24k (trị giá 86.000.000 đ), tổng cộng là 486.000.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn, có căn cứ theo quy định các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, buộc bà O, ông M có nghĩa vụ thanh toán cho anh H số tiền nợ là 486.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà O, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.440.000đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) $[20.000.000đ + (86.000.000đ \times 4\%)]$ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh H không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa một phần có căn cứ, phù hợp tài liệu chứng cứ thu thập trong vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H.

Buộc bà Hoàng Thị O và ông Hoàng Kim M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Nguyễn Quốc H số tiền 486.000.000đ (bốn trăm, tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị O và ông Hoàng Kim M phải chịu 23.440.000đ (hai mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) [20.000.000đ + (86.000.000đ x 4%)] án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Quốc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.728.000đ (mười một triệu, bảy trăm, hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 001981 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Kim M vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đào Thị Kiều Vân

